

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày: 29/02/2024

V/v “tr/c hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Nam

Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 266/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09A/2024/QĐST-DS ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Phan Văn T, sinh 1979; Đoàn Thị D, sinh 1957; Trú tại: Ấp Tân Lễ 2, xã Tân Tr, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có mặt).

*** Bị đơn:** Trần Hoài T1, sinh 1976; Lê Thị Cẩm N, sinh 1987; Trú tại: Ấp Ph , xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn anh T, bà D trình bày: Trước đây vào ngày 05/3/2023 chúng tôi có hợp đồng miệng bán cho vợ chồng anh T1, chị N 18 con heo con với số tiền 21.500.000 đồng, sau khi vợ chồng T1 bắt heo xong nói một lát sẽ mang tiền xuống trả nhưng từ đó đến nay không trả. Nay yêu cầu vợ chồng anh T1, chị N liên đới trả số tiền 21.500.000 trên cho chúng tôi, và yêu cầu tính lãi từ ngày 05/3/2023 đến ngày Toà án xét xử, mức lãi suất 0.83%/tháng, tổng cộng làm tròn 11 tháng lãi với số tiền lãi 1.963.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 23.463.000 đồng.

Bị đơn anh T1, chị N vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng và cũng không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh T, bà D cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn với vợ chồng anh T1, chị N, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn đã được triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch mua bán tài sản giữa các bên quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã thông báo bị đơn biết nội dung mà nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp kèm theo, Tòa án đã triệu tập bị đơn rất nhiều lần để tiến hành hoà giải ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn cố tình né tránh không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và phía bị đơn cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Tòa án thể hiện ý kiến phản bác lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên buộc bị đơn anh T1, chị N phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho anh T, bà D là phù hợp. Đối với mức lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[2] Do anh T1, chị N vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Phan Văn T, Đoàn Thị D. Buộc anh Trần Hoài T1, chị Lê Thị Cẩm N liên đới trả cho anh Phan Văn T, bà Đoàn Thị D số tiền 23.463.000 đồng (trong đó vốn gốc 21.500.000 đồng, lãi suất 1.963.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh anh T, bà D, nếu anh T1, chị N chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T1, chị N chịu 1.173.000 đồng. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí 564.000 đồng theo biên lai thu số 0002229 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký